Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2014

ThS. Nguyễn Thị Kim Nguyệt; Đỗ Hoàng Long

TÓM TẮT:

Kết quả nghiên cứu đã chọn được 6/6 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất (GDTC) tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TP.HCM) giai đoạn 2009 - 2014 gồm: về thời lượng và nội dung đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); với 09 giảng viên (GV) GDTC chưa đảm bảo về số lượng chỉ đạt tỷ lệ 400SV/GV theo quy định của Bộ GD&ĐT; kinh phí hoạt động có tăng nhưng chưa đáp ứng theo nhu cầu, cơ sở vật chất (CSVC), sân bãi chưa đảm bảo nhu cầu học tập và giảng dạy tối thiểu; thực trạng tổ chức hoạt động ngoại khóa trong thời gian qua chưa đáp ứng được so với nhu cầu tập luyện của sinh viên (SV). Kết quả học tập SV đạt loại giỏi chiếm tỷ lệ thấp từ 1.6% 2.8%, trong khi yếu vẫn còn chiếm 7.3% - 10.9%. Đặc biệt xếp loại thể lực của nam, nữ SV theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đều ở mức không đạt, chứng tỏ công tác GDTC tại trường ĐHSPKT TP.HCM còn hạn chế và chưa hiệu quả.

Từ khóa: *thực trạng, giáo dục thể chất, giáo viên thể dục, ngoại khóa, sinh viên, chương trình, cơ sở vật chất, kinh phí.*

ABSTRACT:

The results of the study have selected 6/6 criteria to clarify the status of physical education (P.E) at the HCMC University of Technology and Education in the period 2009 -2014 including: duration and content Ensure compliance with MoET regulations; With 09 teachers, P.E has not guaranteed the amount of 400 Student/Teacher in accordance with MoET's regulations; Expenditures for activities have increased but have not met the demand, material facilities and yards have not satisfied the needs of learning and teaching; the fact that the organization of extracurricular activities in the past time has not been properly considered, therefore, the reality has not met the needs of students. The student achievement rate of good students is low, ranking from 1.6% to 2.8%. The average class size 7.3% - 10.9% respectively. Particularly, ranking the physical strength of male and female students according to MoET standards is not satisfactory, proving that the teaching of teaching and learning at the HCMC University of Technology and Education is still limited and ineffective.

Keywords: *situation, physical education, physical education teacher, extracurricular, student, program, facilities, costs.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường ĐHSPKT TP.HCM là trường đào tạo đa ngành, mỗi năm trường đào tạo hàng chục ngàn SV đóng góp tích cực vào sự nghiệp GD&ĐT, vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội cho các tỉnh phía nam và cả nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Từ khi thành lập đến nay, bộ môn GDTC, một bộ phận cấu thành của nhà trường luôn được sự quan tâm của Ban giám hiệu nhà trường trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất cho SV theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, công tác GDTC tại trường đã bắt đầu bộc lộ nhiều mặt hạn chế như chưa phát huy được tính tự giác, tích cực đối với phần lớn SV tham gia rèn luyện thể chất và rèn luyện các môn thể thao giờ ngoại khóa một cách thường xuyên... Do vậy, để có cơ sở khoa học đánh giá một cách khách quan, chính xác bằng các số liệu cụ thể, giúp cho bộ môn GDTC và nhà trường có thể nhìn nhận được những ưu, nhược điểm trong việc triển khai công tác GDTC giai đoạn 2009 - 2014, làm cứ liệu xem xét, đổi mới, tìm kiếm các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC của trường, vì thế tôi chọn nghiên cứu: ***"Thực trạng công tác GDTC tại trường ĐHSPKT TP.HCM giai đoạn 2009 - 2014"***.

Trong quá trình nghiên cứu các phương pháp được sử dụng gồm: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, kiểm tra sư phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC tại trường ĐHSPKT TP.HCM

Thông qua xây dựng phiếu phỏng vấn về 6 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC, nghiên cứu tiến hành khảo sát 30 GV, chuyên gia và cán bộ quản lý giáo dục thuộc 03 trường đại học thể dục thể thao (TDTT) tại thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và tính tỷ lệ % cho thấy, cả 6/6 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC đều đạt tỷ lệ ý kiến đồng ý rất cao từ 87.5% - 100%. Vì vậy, nghiên cứu đã chọn cả 6/6 tiêu chí gồm: chương trình và nội dung giảng dạy; đội ngũ GV GDTC; kinh phí, CSVC và các điều kiện đảm bảo; thực trạng tổ chức hoạt động ngoại khóa; thực trạng kết quả học tập môn Thể dục và thực trạng thể lực của SV (SV) trường ĐHSPKT TP.HCM theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT.

2.2. Đánh giá thực trạng công tác GDTC trường ĐHSPKT TP.HCM giai đoạn 2009 - 2014

2.2.1. Thực trạng thực hiện nội dung chương trình GDTC

Theo quy định của Bộ GD&DDT, việc thực hiện các nội dung chương trình GDTC chính khoá phải tuỳ theo điều kiện của từng trường nhưng đảm bảo đủ số tiết theo quy định. Chương trình và nội dung dạy GDTC của trường ĐHSPKT TP.HCM được thực hiện trong thời gian qua như sau:

Thời lượng của chương trình GDTC:150 tiết, chia làm 03 học phần:

+ GDTC 1: 30 tiết (4 tiết lý thuyết, 26 tiết thực hành)

+ GDTC 2: 30 tiết (4 tiết lý thuyết, 26 tiết thực hành)

+ GDTC 3: 90 tiết (12 tiết lý thuyết, 78 tiết thực hành). Nội dung giảng dạy chi tiết được cụ thể hoá qua bảng 1.

Qua bảng 1 ta thấy: chương trình GDTC được xây dựng trên cơ sở chương trình của Bộ GD&ĐT, bao gồm 150 tiết, được chia thành 03 đơn vị học phần tương ứng với 3 học kỳ (học kỳ I, II mỗi học kỳ 30 tiết; học kỳ III 90 tiết). Chương trình môn học được chia làm 2 giai đoạn học tập:

- Giai đoạn 1: giai đoạn cơ bản, bắt buộc, có 2 tín chỉ, nội dung giảng dạy là: lý thuyết chung GDTC, điền kinh và bóng chuyền.

- Giai đoạn 2: các môn học tự chọn, 3 tín chỉ (các môn Cầu lông, Võ, Bóng rổ...) tùy thuộc vào các GV lên lớp.

Như vậy, trường ĐHSPKT TP.HCM nhiều năm qua đã thực hiện nghiêm túc số tiết quy định là 150 tiết, về nội dung giảng dạy nội khóa bắt buộc và tự chọn cũng đảm bảo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

2.2.2. Đội ngũ GV GDTC giai đoạn 2009 - 2014

Thực trạng GV môn GDTC tại trường đại học SPKT TP.HCM giai đoạn 2009 - 2014 trình bày bảng 2.

Từ bảng 2 ta thấy được số lượng và trình độ GV qua

Bảng 1. Thực trạng hiện thực nội dung giảng dạy GDTC tại trường ĐH SPKT TPHCM

Học kỳ/ Học Phần	Nội dung	Số tiết	Hình thức
I (HKI năm thứ 1) GDTC1 - Điền kinh	Phần 1: lý thuyết - Nhập môn - Lý thuyết điền kinh Phần 2: Thực hành - Chạy cự ly ngắn - Nhảy xa kiểu ưỡn thân - Cự ly trung bình (800m nữ, 1500m nam)	30	Bắt buộc 3 tiết/ buổi
II (HKII năm thứ 1) GDTC2 - Bóng chuyền	Phần 1: Lý thuyết - Giới thiệu môn bóng chuyền và các kỹ thuật cơ bản - Phương pháp thi đấu và trọng tài Phần 2: Thực hành - Phát bóng - Đệm và chuyền bóng - Đập bóng	30	Bắt buộc 3 tiết/ buổi
III (HKI năm thứ 2) GDTC3 - Cầu lông	Phần 1: lý thuyết - Giới thiệu môn cầu lông và các kỹ thuật cơ bản - Phương pháp thi đấu và trọng tài Phần 2: Thực hành - Cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị - Phương pháp di chuyển - Giao cầu thuận tay và trái tay - Đánh cầu thuận tay và trái tay	90	Tự chọn 3 tiết/ buổi

Bảng 2. Thực trạng lực lượng – đội ngũ giảng viên môn GDTC tại trường ĐH SPKT TP.HCM giai đoạn 2009 - 2014

TT	Năm học	Số lượng				Trình độ chuyên môn					
		GV				ĐH	Tỷ lệ %	CĐ	Tỷ lệ %	Th.S	Tỷ lệ %
		Cơ hữu	Tỷ lệ %	Thỉnh giảng	Tỷ lệ %						
1	2009 - 2010	6	75	2	25	7	87.5	0	0	1	12.5
2	2010 - 2011	6	75	2	25	6	75	0	0	2	25
3	20011 - 2012	8	88.9	1	11.1	7	77.8	0	0	2	22.2
4	2012 - 2013	9	100	0	0	7	77.8	0	0	2	22.2
5	2013 - 2014	9	100	0	0	5	55.6	0	0	4	44.4

các năm từ 2009 đến năm 2014 ngày càng tăng lên về số lượng và ngày càng được chuẩn hóa về trình độ, như số lượng GV thỉnh giảng giảm từ 25% xuống còn 0%; số lượng GV cơ hữu tăng từ 75% lên tới 100%; số lượng GV đạt trình độ đại học giảm từ 87.5% xuống 55.6%, số lượng GV đạt trình độ sau đại học tăng từ 12.5% lên 44.4%. Nhìn chung trình độ GV tăng qua từng năm số lượng GV cơ hữu cũng được bổ xung theo từng giai đoạn. Tuy nhiên, với xu thế phát triển của nhà trường thì lực lượng GV môn GDTC tại trường còn mỏng, tỷ lệ SV/1 GV của trường là (hơn 400 SV/1 GV) cao hơn so với quy định của Bộ GD&ĐT (150 SV/GV). Do vậy việc nâng cao chất lượng GDTC tại trường còn gặp nhiều khó khăn.

2.2.3. Kinh phí, CSVC, dụng cụ học tập và các điều kiện đảm bảo

* Kinh phí cho hoạt động GDTC: qua thống kê thực trạng sử dụng kinh phí dành cho GDTC (bảng 3), có thể thấy kinh phí hoạt động cho GDTC còn khá thấp.

Chủ yếu kinh phí chỉ dành cho các hoạt động thể thao, tổ chức các giải thi đấu của trường (các giải Cầu lông, bóng chuyền và tham gia thi đấu bóng đá giải ngành). Còn hầu như ít đầu tư kinh phí dành cho các hoạt động khác. Kinh phí hàng năm có tăng lên nhưng không đáp ứng được thực tế với số lượng SV hàng năm.

Bảng 3. Thực trạng sử dụng kinh phí dành cho GDTC giai đoạn 2009 - 2014

TT	Năm học	Tổng kinh phí dành cho hoạt động GDTC	Ghi chú
1	2009 - 2010	40 triệu	
2	2010 - 2011	50 triệu	
3	2011 - 2012	70 triệu	
4	2012 - 2013	80 triệu	
5	2013 - 2014	90 triệu	

* CSVC, dụng cụ tập luyện: trong những năm vừa qua, nhà trường luôn quan tâm và trang bị CSVC, các trang thiết bị - dụng cụ học tập GDTC, TDTT cho GVvà SV sử dụng, song thực tế vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu. Sau đây là bảng thống kê thực trạng trang thiết bị, CSVC phục vụ cho việc giảng dạy GDTC tại trường đại học SPKTTP.HCM đang được sử dụng trong mỗi năm học được thể hiện qua bảng 4.

Tuy đã được trang bị CSVC - trang thiết bị như vậy, nhưng nhìn chung CSVC đảm bảo vẫn không đáp

Bảng 4. Thực trạng CSVC phục vụ cho giảng dạy GDTC trường ĐHSPKT TP.HCM giai đoạn 2009 - 2014

TT	Sân bãi - trang thiết bị	Số lượng	Chất liệu	Chất lượng - hiệu quả sử dụng
1	Bàn bóng bàn, cọc, lưới	4 bàn	Chân sắt, mặt gỗ ép	Khá
2	Bộ bàn cờ vua	5 bàn	Nhựa	Tốt
3	Bóng bàn	200 quả	Nhựa	Tốt
4	Bóng chuyền	100 quả	Cao su	Khá
5	Bóng đá	60 quả	Cao su	Khá
6	Bóng rổ	30 quả	Cao su	Khá
7	Cầu lông	100 ống		Tốt
8	Hố nhảy xa	2 hố	Hố cát, không ván giậm	Khá
9	Đệm tập võ	25 tấm	Cao su	Tốt
10	Sân bóng đá	01 sân	Cỏ	Tốt
11	Đường chạy	01 sân	Cát	Khá
12	Sân bóng chuyền	02	1 xi măng, 1 cát	Khá

ứng đủ cho số lượng SV tăng quá lớn. Các lớp học phải chồng chéo lên nhau, nếu tính một tiết học có tới 6,7 lớp cùng học một lúc là điền kinh trong khi đường chạy chỉ có một, hoặc vào học kỳ 2 cũng có tiết lên tới 6,7 lớp cùng học môn Bóng chuyền trong khi chỉ có 2 sân bóng chuyền. Đó là chưa kể tới các lớp thể chất 3 tự chọn.

2.2.4. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động ngoại khóa cho SV trường ĐHSPKT TP.HCM giai đoạn 2009 - 2014

Thông qua phỏng vấn 380 SV năm thứ hai về thực trạng tổ chức hoạt động ngoại khóa cho SV tại trường trong thời gian qua, kết quả tính toán về tỷ lệ % cho thấy:

- Nhận thức của SV về vai trò của hoạt động ngoại khóa còn có những hạn chế khi chỉ có 175 ý kiến cho là rất cần thiết, cần thiết chiếm 46.05%.

- Mức độ hài lòng của SV với tổ chức HĐ ngoại khoá của trường chỉ có 60 ý kiến mức hài lòng chiếm 15.79%, có 210 ý kiến cho ở mức bình thường chiếm 55.26% và có 110 ý kiến cho biết ở mức không hài lòng chiếm 28.95%.

- Tập luyện ngoại khoá có 195 ý kiến mức rất thích và thích chiếm 51.31%.

- Môn thể thao tự chọn mà SV yêu thích nhất là môn Karatedo chiếm 30.26%, môn Cầu lông chiếm 26.32%, môn Teakwondo chiếm 11.64%, môn Vovinam chiếm 7.89%, môn Bóng chuyền chiếm 9.2%, môn Bóng rổ chiếm 6.58%, môn Bơi lội chiếm 5.26%, môn bóng bàn chiếm 2.63%. Như vậy các môn có tỷ lệ thích tập cao là Karatedo; Cầu lông và Taekwondo.

- Các yếu tố làm hạn chế SV tập ngoại khoá được xác định do thiếu CSVC và dụng cụ tập luyện chiếm 26.32%, không có thời gian chiếm 44.74%, không thuận lợi về địa điểm tập luyện chiếm 11.84%, không lựa chọn được môn thể thao ưa thích chiếm 17.10%. Như vậy, rõ ràng muốn phát triển thể dục ngoại khóa thì bộ môn GDTC cần tham mưu cho Ban Giám hiệu trường xem xét và giải quyết cả 04 nguyên nhân trên đã làm ảnh hưởng hoạt động TDTT ngoại khóa.

2.2.5. Kết quả học tập môn GDTC và thực trạng thể lực của SV giai đoạn từ 2009-2014.

a. Kết quả học tập môn GDTC:

Kết quả tổng hợp về điểm học tập môn GDTC giai đoạn 2009 - 2014 được trình bày cụ thể ở bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy, số SV đạt loại giỏi chiếm tỷ lệ thấp và biến động theo từng năm học, với 1.6% - 2.8%. Số SV đạt loại khá chiếm tỷ lệ cao và ổn định từ 31% - đến 35.5%. Số SV đạt loại trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất ở cả 3 năm học từ 52.5% - 57.6%. Tỷ lệ SV đạt loại yếu chiếm tỷ lệ thấp từ 7.3% -10.9%. Như vậy, với việc tỷ lệ SV loại trung bình và yếu còn nhiều, đã chứng tỏ công tác giảng dạy GDTC tại trường ĐHSPKT TP.HCM còn hạn chế và chưa hiệu quả.

b. Thực trạng thể lực SV trường ĐHSPKT TP.HCM.

Đề tài tiến hành ứng dụng các test đánh giá thể lực theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT để kiểm tra thực trạng và so sánh thể lực SV năm thứ hai trường ĐHSPKT TP.HCM với tiêu chuẩn thể lục dành cho SV của Bộ GD&ĐT.

Nam SV: kết quả tính toán và so sánh các test thể lực của nam SV ĐHSPKT TP.HCM trình bày bảng 6.

Qua bảng 6 ta thấy, thành tích các test thể lực của nam SV năm thứ hai có có 4/6 test ở mức đạt, có hai test là lực bóp tay thuận và chạy tùy sức 5 phút (là test bắt buộc) đều ở mức không đạt. Theo quy định của Bộ GD&ĐT thì thể lực của nam SV ĐHSPKT xếp loại không đạt.

Nữ SV: kết quả tính toán và so sánh các test thể lực của nữ SV ĐHSPKT TP.HCM trình bày bảng 7.

Qua bảng 7 ta thấy, thành tích các test thể lực của nữ SV năm hai có có 2/6 test ở mức đạt, có 2/6 test đạt mức tốt và có hai test là nằm ngữa gập bụng và chạy tùy sức 5 phút (là test bắt buộc) đều ở mức không đạt. Theo quy định của Bộ GD&ĐT thì thể lực của nữ SV ĐHSPKT cũng xếp loại không đạt. Như vậy có thể thấy cả nam và nữ SV đều yếu về sức bền chung.

Bảng 5. Kết quả xếp loại học tập GDTC SV trường ĐHSPKT TP.HCM, giai đoạn năm 2009-2014

TT	Năm học	Số lượng SV	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Tỷ lệ SV/ 1 GV
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	2009 - 2010	3354	0	0	1193	35.5	1832	54.6	331	9.9	419
2	2010 - 2011	3543	0	0	1209	34.1	1982	55.9	352	9.9	442
3	2011 - 2012	3328	95	2.8	1090	31.8	1879	54.9	359	10.5	369
4	2012 - 2013	3473	57	1.6	1235	35.0	1852	52.5	386	10.9	385
5	2013 - 2014	3678	0	0	1289	35.0	2120	57.6	269	7.3	408

Bảng 6. Thực trạng thể lực nam SV 19 tuổi với tiêu chuẩn phân loại của Bộ GD&ĐT thời điểm năm 2013

TT	Nội dung các test	251658240 -x̄	Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT			Xếp loại
			Tốt	Đạt	K đạt	
1	Lực bóp thuận tay (KG)	40.75	> 47.5	> 41.4	< 41.4	K.Đạt
4	Nằm ngữa gập bụng (lần)	21.52	> 22	> 17	< 17	Đạt
2	Bật xa tại chổ (cm)	222.89	> 225	> 207	< 207	Đạt
3	Chạy 30m XPC (giây)	5.36	< 4.70	< 5.70	> 5.70	Đạt
5	Chạy thoi 4x10m (giây)	11.99	< 11.75	< 12.40	>12.4	Đạt
6	Chạy tùy sức 5 phút (giây)	948.52	> 1060	> 950	< 950	K. đạt

Bảng 7. Thực trạng thể lực nữ SV 19 tuổi theo tiêu chuẩn phân loại của Bộ GD&ĐT thời điểm năm 2013

TT	Nội dung các test	251658240 -x̄	Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT			Xếp loại
			Tốt	Đạt	K đạt	
1	Lực bóp thuận tay(KG)	28.18	> 31.6	> 26.7	< 26.7	Đạt
2	Bật xa tại chổ (cm)	199.87	> 169	> 153	< 153	Tốt
3	Chạy 30m xuất phát cao (giây)	5.73	< 5.70	< 6.70	> 6.70	Đạt
4	Nằm ngữa gập bụng (lần)	15.85	> 19	> 16	< 16	K.Đạt
5	Chạy thoi 4x10m (giây)	11.94	< 12.0	< 13.0	> 13.0	Tốt
6	Chạy tùy sức 5 phút (giây)	866.51	> 940	> 870	< 870	K.Đạt

3. KẾT LUẬN

- Nghiên cứu đã lựa chọn được 06 tiêu chí gồm: chương trình, nội dung giảng dạy; đội ngũ GV GDTC; kinh phí, CSVC và các điều kiện đảm bảo; thực trạng tổ chức hoạt động ngoại khóa; kết quả học tập môn Thể dục và thực trạng thể lực của SV để đánh giá thực trạng công tác giảng dạy GDTC tại trường ĐHSPKT TP.HCM giai đoạn 2009 - 2014.

- Thực trạng thực hiện chương trình, nội dung giảng dạy của bộ môn GDTC đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT về nội dung và thời lượng giảng dạy là 150 tiết/khóa học.

- Đội ngũ GV thể dục về số lượng và trình độ ngày càng tăng lên về số lượng và được chuẩn hóa về trình độ. Tuy nhiên hiện số lượng GV của bộ môn còn thiếu khi tỷ lệ 400 SV/1 GV là cao hơn nhiều so với quy định của Bộ GĐT quy định là 150SV/1 GV.

- Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khoá tại trường ĐHSPKTTPHCM trong thời gian qua còn chưa được quan tâm đúng mức nên thực tế chưa đáp ứng được so với nhu cầu tập luyện của SV của trường. Nhu cầu tập luyện ngoại khóa chiếm 51.31%, môn thể thao ưa thích có tỷ lệ cao là Karatedo; Cầu lông và Taekwondo.

- Điều kiện CSVC chưa thật sự đảm bảo, cho nên việc tổ chức giảng dạy các môn thể thao tự chọn cũng còn gặp nhiều khó khăn, chỉ có thể tổ chức giảng dạy một số môn ít hoặc không sử dụng dụng cụ. Thực trạng sử dụng kinh phí dành cho GDTC còn thấp. Kinh phí hàng năm có tăng lên nhưng không đáp ứng được thực tế với số lượng SV.

- Kết quả học tập môn GDTC còn ở mức trung bình và khá khi xếp loại kết quả học tập GDTC là chủ yếu, tỷ lệ SV xếp loại yếu vẫn còn. Đặc biệt xếp loại thể lực của nam, nữ SV theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đều ở mức không đạt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao,* Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Trịnh Trung Hiếu (2001), *Lý luận và phương pháp giáo dục TDTT trong nhà trường*, Nxb TDTT, Hà Nội.

3. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tốn (1993), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu của luận văn thạc sỹ của tác giả Đỗ Hoàng Long có tên: "Nghiên cứu đánh giá thực trạng và xây dựng giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác GDTC tại trường ĐHSPKT TP.HCM", 2015.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14/9/2018; ngày phản biện đánh giá: 16/11/2018; ngày chấp nhận đăng: 21/12/2018)